TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2018
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thuật.

2. Bà Đặng Thị Minh Anh .

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 433/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh T *(Tên gọi khác: Nguyễn Văn T)*, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm H, thôn TP, xã PV, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Xóm H, thôn TP, xã PV, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Hải, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, ngày 08/8/1987. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn TP, xã PV, huyện BV, tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 1988 vì công việc nên ông đi làm ăn xa nhà, từ đó giữa hai vợ chồng không sống với nhau nữa, hai người đã sống ly thân nhau 26 năm. Trong thời gian sống ly thân, giữa hai ông bà H không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên ông cương quyết xin ly hôn với bà Lê Thị H.

Con chung: Ông Nguyễn Minh T cho biết giữa ông và bà H có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/02/1988. Hiện nay chị Th đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung: Ông T xác nhận không có.

Căn cứ lời khai của ông T, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã triệu tập bà Lê Thị H đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, bà H đã có mặt, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự của Tòa án, nhưng sau đó bà H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ông T đã có đơn đề nghị Tòa án đi xác minh về bà H để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Trước đây ông T có làm đơn xin ly hôn bà H, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã thụ lý số 119/2017/ LHST, ngày 03/4/2017, trong quá trình giải quyết bà H đã có bản tự khai, khi Tòa án thông báo về việc công bố chứng cứ và phiên hòa giải bà H đã nhận nhưng bà H không chấp hành, chính vì vậy Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được, trong thời gian nay ông T có việc gia đình nên đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 102/2017/ QĐST- HNGĐ, ngày 27/9/2017. Đến tháng 11/2017 ông T lại có đơn xin ly hôn bà Hoa, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết theo quy định của pháp luật .

Tại biên bản xác minh ngày 27/11/2017 và 12/12/2017, chính quyền địa phương cho biết: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TP, xã PV, huyện BV. Nhưng cuộc sống chung vợ chồng giữa ông T và bà H không có hạnh phúc, thực tế hai người đã sống ly thân nhau hơn 20 năm. Nay ông T làm đơn xin ly hôn với bà H,

chính quyền địa phương xét thấy hai người đã không sống với nhau đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/02/1988. Hiện nay chị Th đã trưởng thành, đã có gia đình riêng.

Tài sản chung, riêng, nợ chung: Chính quyền địa phương và thôn không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được ly hôn với bà H, con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, riêng, công sức, nợ chung ông T xác nhận không có.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử , Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/02/1988. Hiện nay chị Th đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Không xem xét giải quyết về phần trách nhiệm con chung .

- Về tài sản chung, riêng, công sức, nợ chung: Đề nghị HĐXX không giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho bà Hoa bằng vụ kiện khác khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật .

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí. Ông T phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông T và bà H không có hạnh phúc; Nguyên nhân do hai người không hợp tính nhau. Hai ông bà đã sống ly thân nhau hơn hai mươi năm.

Trong thời gian sống ly thân, giữa hai ông bà không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó. Đối với bà H, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng bà H không chấp hành, cố tình trốn tránh, vắng mặt tại nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho Tòa án biết chính vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, đến ngày xét xử, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa lần 1 để niêm yết quyết định hoãn phiên tòa để làm cơ sở giải quyết vụ án vắng mặt bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông T xin ly hôn với bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp yêu cầu của ông T, cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Thị H.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/02/1988. Hiện nay chị Th đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên HĐXX không xét.

[3] Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, nợ chung: Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Giành quyền khởi kiện khi bà H có yêu cầu và có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 25 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Thông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 25, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) đối với bà Lê Thị H. Cho ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 12/02/1988. Hiện nay chị Th đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. HĐXX không xét.

3. Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, nợ chung: Chưa giải quyết. Giành quyền khởi kiện khi bà H có yêu cầu và có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T (Nguyễn Văn T) phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 06/11/2017, theo biên lai số 008104.

5. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã Phong Vân.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lã Hùng Cường